



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00102

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản:

Tên sản phẩm	: Dịch cá - Fish soluble paste
Số lượng/ khối lượng	: 10 flexitanks/ 215.000 kg
Hãng, nước sản xuất	: Janatha Middle East LLC, Oman
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: JME/MPT-06/25 ngày 01/11/2025
Hóa đơn số	: JME/EXP-2025/082 ngày 15/11/2025
Vận đơn số	: KMTCSOH0075666
Ngày sản xuất	: 10/2025, 11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng số	: 10883/HQ-GDK-TTKN ngày 24/12/2025 (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043163)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI Địa chỉ: Phòng Emerhub - Tầng 2 - Tòa nhà Saigon Finance Center, Số 9 Đinh Tiên Hoàng, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 73 /QĐ-TTKN
Ngày 08 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Tùng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 96/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế LinhMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 589625121058

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 30/12/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 30/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Dịch cá / Fish soluble paste (mã hồ sơ: BNNPTNT29250043163)	Asen tổng số (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	AOAC 986.15
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,76	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 06/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.